

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 02/2018/HSST

Ngày: 09 - 01 - 2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Mai Anh.

Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thăng – Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2017/HSST ngày 24 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Đặng Thị T, sinh năm 1990, tại huyện KP, tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Tiền án, tiền sự: Không. Dân tộc: Nùng. Con ông Đặng Văn P, sinh năm 1961; Con bà Phùng Thị L, sinh năm 1964. Hiện cùng cư trú tại thôn 8, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ ba.

Bị cáo có chồng là Phạm Văn D, sinh năm 1979. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh ngày 19/03/2015. Hiện nay, chồng con bị cáo cùng cư trú tại thôn 9, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 33 ngày 18/10/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EK. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- Người giám hộ của bị cáo Đặng Thị T:

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm: 1979.

Cư trú tại: Thôn 9, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. *(Vắng mặt)*

2. Ông Đặng Văn P, sinh năm: 1961.

Cư trú tại: Thôn 8, xã EP, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk. *(Có mặt).*

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Tiến T – Văn phòng luật sư BK, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Đắk Lắk

- Bị hại: Ông Phạm Bá M, sinh năm: 1948.

Cư trú tại: Thôn 9, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1965 (Có mặt).

2. Bà Phạm Thị R, sinh năm: 1948 (Có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn 9, xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2011 Đặng Thị T kết hôn với anh Phạm Văn D và sống chung cùng bố mẹ chồng là ông Phạm Bá M và bà Phạm Thị R tại thôn 9, xã EP, huyện EK. Trong quá trình sống chung T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với ông M và bà R. Năm 2016 vợ chồng T xây nhà cạnh nhà ông M và chuyển ra ở riêng nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng 17 giờ ngày 02/3/2017 T và ông M tiếp tục xảy ra cãi nhau và có những lời lẽ xúc phạm nhau. Khi T và ông M cãi nhau thì có bà Phạm Thị B (hàng xóm của ông M) đang ở nhà ông M chơi cũng bị T xúc phạm nên ông M bực tức lấy một cục đá ném sang sân nhà T nhưng không trúng người. T đi vào bếp lấy một con dao chạy sang sân nhà ông M chém ông M 03 nhát trúng vào tay phải ông M gây thương tích. Sau khi chém ông M xong T đi về nhà còn ông M được hàng xóm đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa khu vực 333 huyện EK.

Vật chứng thu giữ: một dao dài 42cm, cán kim loại dài 10,5cm đường kính 03cm, lưỡi dao dài 31,5cm, rộng 07cm.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 649 ngày 18/5/2017 của Trung tâm pháp y Đắk Lắk xác định Phạm Bá M bị đa thương, đứt gân duỗi ngón 2 và gãy xương bàn tay phải tỷ lệ thương tích là 17%.

Tại bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 60/KLGĐTC ngày 31/7/2017 của trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây nguyên kết luận:

- Về y học: Đặng Thị T trước, trong, sau khi gây án vào ngày 02/03/2017 bị bệnh: Rối loạn không phân biệt định của nhân cách và hành vi người trưởng thành (F69-ICD10).

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước, trong, sau khi gây án vào ngày 02/03/2017: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 69/KSĐT - HS ngày 22/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội “ *Cố ý gây thương tích* ” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đặng Thị T khai nhận: Vì mâu thuẫn cá nhân trong sinh hoạt hàng ngày giữa bố chồng và con dâu nên vào khoảng 17 giờ ngày 02/3/2017 giữa ông M và bị cáo T có xảy ra cãi vã, sau đó Đặng Thị T cầm dao đi sang nhà ông Phạm Bá M chém ông M ba nhát gây thương tích 17%.

Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đặng Thị T về tội “ *Cố ý gây thương tích* ”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Đặng Thị T từ 01 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 06 tháng.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một dao dài 42cm, cán kim loại dài 10,5cm đường kính 03cm, lưỡi dao dài 31,5cm, rộng 07cm là hung khí bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590, 591 Bộ luật dân sự; Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường ông Phạm Bá M số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hiện ông M không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Đặng Thị T: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo cho rằng vì bị ông M ném đá nên đã cầm dao sang nhà ông M chém ông M gây thương tích 17%. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho ông M số tiền 2.000.000đồng; bị cáo bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; hiện nay bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2

Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo Đặng Thị T được hưởng chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại ông Phạm Bá M về trách nhiệm hình sự không có ý kiến gì với quan điểm của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

“ Điều 104. Tội cố ý gây thương tích:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu hành vi phạm tội của bị cáo, HĐXX áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bởi lỗi cố ý. Bị cáo dùng dao để gây thương tích cho ông M, xác định đây là hung khí nguy hiểm. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử nhận thấy: bị cáo nhận thức được sức khỏe là vốn quý của con người và là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều phải bị trừng trị nghiêm khắc. Việc bị cáo gây thương tích cho ông M còn ảnh hưởng đến trật tự an ninh trên địa bàn.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt phải xem xét đến nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ để lượng hình cho tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại; bị cáo phạm tội khi bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; bị cáo hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người bị hại đã làm đơn bãi nại, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên khả năng nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét trong quá trình quyết định hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại Khoản 2, Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt từ 02 năm đến 06 năm nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 2, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, cần áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo Đặng Thị T theo điểm i, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét, lượng hình đối với bị cáo.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Luật sư bào chữa cho bị cáo T đưa ra tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội cũng đảm bảo được tính giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xem xét cho bị cáo Đặng Thị T được hưởng án treo. Cần giao

bị cáo về cho UBND xã EP, huyện EK kết hợp với gia đình quản lý giáo dục cũng đủ điều kiện răn đe giáo dục đối với bị cáo.

[3] Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy một dao dài 42cm, cán kim loại dài 10,5cm đường kính 03cm, lưỡi dao dài 31,5cm, rộng 07cm là hung khí bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590, 591 Bộ luật dân sự; Điều 212,213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường ông Phạm Bá M số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hiện ông M không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 1, Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3, Điều 7; điểm đ, khoản 2, Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm i, khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02(Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã EP, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Đặng Thị T có thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Khoản 1, Điều 69 Luật thi hành án hình sự để giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590, 591 Bộ luật dân sự; Điều 212,213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận việc gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông Phạm Bá M số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Hiện ông M không yêu cầu bồi thường nên không đề cập để giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy

một dao dài 42cm, cán kim loại dài 10,5cm đường kính 03cm, lưỡi dao dài 31,5cm, rộng 07cm là hung khí bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 1, Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Thị T phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- **Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện